

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thành Công.

2. Ông Đặng Minh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Nhật Trường, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Ngợi Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 379/2018/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Văn Thị Ngọc B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 5A đường L, phường A, quận B, thành phố H

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

Chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị B trình bày: Chị với anh N chung sống vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng ý kiến trong cuộc sống, anh N không quan tâm chăm sóc gia đình. Mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi

nên từ đó mất dần tình cảm vợ chồng nên chị đã ly thân với anh N từ tháng 7/2017 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Đại Nh, sinh ngày 09/11/2013. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị B và anh N theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh N là hợp pháp. Chị B xác định sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như trên. Nay chị B xác định mâu thuẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh N. Nhưng anh N là chồng mà không có biện pháp cụ thể nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng và cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu ly hôn của chị B.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Bích có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị B, anh N có một con chung tên Nguyễn Đại N, sinh ngày 09/11/2013, hiện do chị B nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị B thấy rằng: Cháu Nh do chị B nuôi dưỡng đã ổn định từ khi vợ chồng ly thân đến nay và xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu Nh, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu Nh cho chị B nuôi dưỡng.

[4] Xét, chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu Nh nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B xác định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Văn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Văn N

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đại Nh, sinh ngày 09/11/2013 cho chị Văn Thị Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh, do chị B không yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Văn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15879 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị B đã thi hành xong án phí.

4. Chị B, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T
- VKSND huyện C;
- Thi hành án dân sự huyện C;
- Ủy ban nhân dân phường A, huyện Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
BÍCH PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức

